

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2018/DS-PT
Ngày 29-11-2018
V/v tranh chấp đòi tài sản và tranh chấp hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN D1
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung D
Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xông - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2018/TLPT-DS ngày 08/10/2018 về việc “tranh chấp đòi tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 226/2018/DS-PT ngày 16/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Phương D, sinh năm 1975; địa chỉ: Số X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Nguyên L- Luật sư Công ty P; địa chỉ: Số X2, Phường O, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Võ Tấn T, sinh năm 1972; địa chỉ thường trú: Số X1, Phường Y, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Số X3 (số cũ X4), Phường O1, Quận M1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.1. Công ty E; địa chỉ: Số X5, Phường O2, Quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Tấn T, sinh năm 1972;

1.2. Công ty A; địa chỉ: Tổ Y2, khu phố K, xã C, huyện L, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế T1 – chức vụ: Tổng Giám đốc; địa chỉ: X6, Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Liên doanh Thực phẩm V; địa chỉ: Lô D1 – 7 – TT, Khu Công nghiệp F1, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Tấn T – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Võ Tấn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hoàng Phương D trình bày:

Ông D và ông T có quan hệ bạn bè với nhau. Năm 2007, ông T có nói cho ông D biết về việc ông T sẽ giúp ông D nhận chuyển nhượng một phần đất ở Q; ông T có dẫn ông D đi xem phần đất dự tính mua nên ông D đồng ý. Ông D đã đưa cho ông T số tiền 150.000 USD để mua đất cho ông D theo các phiếu thu ngày 20/9/2007, 01/10/2007 và ngày 20/12/2007. Sau khi giao nhận tiền xong, ông T có dẫn ông D đi xem đất một lần nữa và có nói đã mua đất và chuẩn bị rào phần đất này. Tuy nhiên, ông T không giao hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hay giấy tờ đất gì cho ông D. Vì là bạn bè và quá tin tưởng ông T nên ông D nghĩ khi nào ông T đưa cũng được nhưng đến nay ông T vẫn không thực hiện đúng thỏa thuận với ông D.

Ngoài ra, vào năm 2010, ông T có mượn ông D số tiền 427.800.000 đồng và nói để đóng thuê cho doanh nghiệp của ông T là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại-Dịch vụ E (gọi tắt là Công ty E) (mượn với tư cách cá nhân).

Năm 2011, ông T tiếp tục mượn ông D 02 lần với số tiền là 400.000.000 đồng + 200.000.000 đồng. Khi mượn tiền, ông T nói với ông D là cùng hùn với ông T và một người khác để mua một lô đất ở huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương nên ông D đồng ý. Sau đó, ông D biết ông T mua đất đứng tên và tự chuyển nhượng cho người khác, ông D yêu cầu ông T trả lại tiền thì ông T nói cho ông T mượn nên ông D đồng ý. Đến ngày 06/7/2013, ông D yêu cầu ông T viết giấy cam kết về số tiền nợ và thời hạn trả nợ nên ông T viết cam kết nợ ông D số tiền 1.027.800.000 đồng, trả nợ vào cuối năm 2013.

Đến nay ông T vẫn không trả nợ cho ông D. Ông D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả cho ông D tổng số tiền: 4.940.163.450 đồng, trong đó:

- Số tiền: 150.000 USD tương đương 3.483.000.000 đồng (tỷ giá USD tại thời điểm quy đổi dựa theo Ngân hàng F công bố ngày 21/8/2018 là: 01 USD = 23.220 đồng);

- Nợ vay: Gốc là 1.027.800.000 đồng và lãi từ ngày 01/01/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm (22/8/2018) là: 04 năm 07 tháng 21 ngày x 1.027.800.000 đồng x 9%/năm (mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) = 429.363.450 đồng (cộng gốc và lãi là 1.457.163.450 đồng).

Bị đơn ông Võ Tấn T trình bày:

Ông T có nhận từ ông D số tiền 150.000 USD đúng theo các phiếu thu ngày 20/9/2007, 01/10/2007 và ngày 20/12/2007 do ông D đưa ra. Tuy nhiên, ông T nhận với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty E, nhận tiền góp vốn vào Công ty chứ không phải mượn cho cá nhân của ông T. Bản chất là ông D góp vốn vào đầu tư, xây dựng khu resort N của chủ đầu tư là Công ty A. Giữa ông D và ông T có mối quan hệ làm ăn nên ông D đã góp tiền vào Công ty E, thời điểm đó ông T là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã trực tiếp nhận số tiền 150.000 USD từ ông D và sử dụng phiếu thu của Công ty E để nhận tiền của ông D. Số tiền này có nộp lại Công ty E, trong báo cáo tài chính của Công ty E có thể hiện cụ thể số tiền ông D góp vào Công ty E.

Sau khi nhận tiền của ông D và nộp lại Công ty E, ngày 16/10/2007, ông T đã đại diện Công ty E ký biên bản thỏa thuận góp vốn vào Công ty A để thực hiện dự án khu resort N. Ngày 26/12/2007, Công ty A đã có giấy xác nhận ông T góp vốn vào dự án với số tiền 3.500.000.000 đồng. Ông T góp vốn với tư cách đại diện Công ty E không phải là tư cách cá nhân; do thời điểm đó dự án chưa hoàn tất nên không ghi cụ thể tên Công ty E góp vốn.

Đối với yêu cầu trả số tiền 1.027.800.000 đồng của ông D, ông T không đồng ý trả vì các lý do như sau:

Số tiền 827.800.000 đồng: Ông T đã thay mặt Nhà hàng B mượn của ông D để đóng thuế cho Nhà hàng trong thời gian 02 năm từ năm 2010 đến 2011. Vì Nhà hàng làm ăn thua lỗ, nên phải chấm dứt hoạt động và giải thể, các bên góp vốn đã rút vốn làm ăn. Các thành viên góp vốn tiến hành họp thống nhất phân chia tài sản còn lại của Nhà hàng vào ngày 05/6/2012, tại buổi họp này các bên đã thống nhất thỏa thuận sau khi thanh toán hết nợ, phần còn lại sẽ được chia cho các thành viên góp vốn tương ứng tỉ lệ vốn đã góp.

Đối với số tiền 200.000.000 đồng: Đây là tiền lời từ việc làm ăn tại Nhà hàng B, các bên lấy số tiền này để tiếp tục đầu tư kinh doanh, nhưng việc kinh doanh thua lỗ nên không thể hoàn vốn cho các bên chứ ông T không có mượn của ông D.

Nhà hàng B là một Chi nhánh của Công ty E nên báo cáo tình hình kinh doanh đều được thể hiện trong báo cáo tài chính của Công ty E.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ E, người đại diện theo pháp luật là ông Võ Tấn T trình bày:

Trước đây với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty E, ông T có đầu tư với Công ty A để làm dự án resort Nam Bãi Trường, sau đó với tư cách người đại diện hợp pháp của Công ty E, ông T có kêu gọi ông D tham gia cùng đầu tư vào dự án. Sau khi nhận tiền 150.000 USD từ ông D, ông T đã đại diện cho Công ty E ghi phiếu thu tiền của ông D. Các chứng từ hình ảnh liên quan đến việc hợp tác của ông T, ông D với Công ty A và trong các bản tường trình ông T đã nêu rõ và đã cung cấp cho Tòa án. Vì dự án này là có thật và việc không lấy lại được vốn đầu tư là do khủng hoảng kinh tế, không tìm được nhà đầu tư nên dự án bị phá sản, đối tác cũng đã bán Công ty A. Việc kinh doanh thua lỗ thì các bên hùn vốn vào cũng phải gánh chịu nên việc ông D yêu cầu ông T với tư cách cá nhân phải thanh toán lại cho ông D số tiền đầu tư mua đất huyện Q là không đúng.

Công ty A, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thế T1 trình bày:

Ngày 26/3/2015, ông Nguyễn Thế T1 mua lại Cổ phần của Công ty A từ các cổ đông bà Nguyễn Thị Bích N, ông Nguyễn Thế T2; ông T1 không nắm rõ việc Công ty E hợp tác đầu tư vào Công ty A, cũng không biết việc cá nhân nào đầu tư.

Việc tranh chấp giữa nguyên đơn ông Hoàng Phương D và bị đơn ông Võ Tấn T, Công ty A không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Liên doanh Thực phẩm V, người đại diện theo pháp luật của là ông Võ Tấn T trình bày:

Số tiền 200.000.000 đồng là tiền lời lấy từ Nhà hàng B; mỗi thành viên sau khi được thanh toán tiền lời thì bàn bạc hùn để mua đất xây nhà cho cán bộ công nhân viên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Liên doanh Thực phẩm V (gọi tắt Công ty V) tại thị xã B. Việc góp vốn này là do các bên tự thỏa thuận với tư cách cá nhân trích từ tiền lời của Công ty E để góp vào xây dựng nhà ở cho cán bộ công nhân viên. Ông T nhận là với tư cách cá nhân đại diện cho các thành viên khác của Công ty E đứng ra mua đất để xây dựng nhà ở cho công nhân viên trong Công ty V vì các thành viên khác trong đó có ông D và các cổ đông (ông D có góp vốn vào Công ty E). Sau đó, Công ty E hợp tác đầu tư mở Công ty V nên ông D cũng là thành viên góp vốn vào Công ty V. Việc xác nhận ông D là cổ đông đã được Công ty E xác nhận thể hiện trong giấy phép kinh doanh của Công ty E. Công ty V là do Công ty E và công ty đối tác góp vốn thành lập nên Công ty V không có văn bản xác nhận ông D là cổ đông của Công ty V.

Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Phương D đối với bị đơn ông Võ Tấn T về việc “đòi tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Ông Võ Tấn T có trách nhiệm thanh toán cho ông Hoàng Phương D tổng số tiền: 4.940.163.450 đồng, cụ thể:

Số tiền: 150.000 USD tương đương 3.483.000.000 đồng;

Số tiền: 1.457.163.450 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 1.027.800.000 đồng;

Nợ lãi: Tính từ ngày 01/01/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/8/2018 là: 4 năm 7 tháng 21 ngày x 1.027.800.000 đồng x 9%/ năm = 429.363.450 đồng.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 14/9/2018, bị đơn ông Võ Tấn T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Hồ Nguyên L trình bày:

Ông T ký tên nhận từ ông D số tiền tổng cộng là 150.000 USD dưới hình thức phiếu thu (đơn vị E) nhưng không có con dấu của Công ty E; do đó không có cơ sở xác định 150.000USD là tiền do Công ty E mượn của ông D.

Tại biên bản thỏa thuận ngày 16/10/2007 (bút lục 33) có nội dung ông Nguyễn Đạt D1, ông Nguyễn Thanh T1, ông Võ Tấn T có ký tên xác nhận góp vốn mỗi người 3.500.000.000 đồng để đầu tư khu resort N-Q nhưng không có tên Công ty E tham gia góp vốn dự án này; do đó ông T khai ông D đưa 150.000 USD cho ông T để góp vốn đầu tư, xây dựng khu resort N của chủ đầu tư là Công ty A là không có cơ sở.

Hồ sơ vụ án có báo cáo tài chính của Công ty E nhưng là báo cáo tài chính năm 2006, ông T ký nhận tiền của ông D vào năm 2007 nên việc nhận tiền của ông T là với tư cách cá nhân của ông T, không liên quan công ty E.

Ngày 06/7/2013, ông T viết giấy cam kết về số tiền nợ 1.027.800.000 đồng và thời hạn trả nợ cho ông D là cuối năm 2013.

Do đó, bản án dân sự sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “đòi tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ. Bị đơn ông T làm việc tại Công ty V, địa chỉ: Lô D1 – 7 – TT, Khu Công nghiệp F1, thị xã B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ

nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Nguyên đơn ông D xác định số tiền 150.000USD mà bị đơn ông T ký nhận với tư cách là cá nhân. Ông T xác định ông ký nhận số tiền 150.000USD từ ông D là để hùn mua đất với ông D. Các phiếu thu tiền do ông T ký nhận ngày 20/9/2007, 01/10/2007 và ngày 20/12/2007 (với tổng số tiền 150.000 USD) đều thể hiện nội dung: *Đơn vị phát hành phiếu E, mẫu số 12-CT/HCSN.....thu tiền để chạy dự án Q, thu tiền đợt 2 cho dự án Q và thu tiền đợt 3 cho dự án Q...* Biên bản thỏa thuận ngày 16/10/2007 (bút lục số 33) thể hiện nội dung ông T góp vốn là 3.500.000.000 đồng vào dự án **khu resort N**, huyện Q. Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra ông D, ông T góp vốn tại Công ty E là bao nhiêu. Tại phiên tòa, ông D thừa nhận đưa tiền cho ông T để nhờ mua đất ở Q. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “kiện đòi tài sản” là chưa đúng, dẫn đến việc điều tra, thu thập chứng cứ chưa đúng nên chưa đủ căn cứ để giải quyết vụ án. Mặt khác, hợp đồng hợp tác giữa ông D và ông T có nội dung góp vốn để đầu tư dự án bất động sản tại Q, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân thị xã B, tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết vụ án cũng không đúng thẩm quyền. Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thẩm quyền giải quyết, về quan hệ pháp luật, điều tra vụ án chưa đầy đủ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với tranh chấp số tiền 150.000 USD:

Nguyên đơn ông D khởi kiện bị đơn ông T yêu cầu trả lại số tiền 150.000 USD theo các phiếu thu tiền do ông T ký nhận ngày 20/9/2007, 01/10/2007 và ngày 20/12/2007; ông D trình bày là “hùn mua đất hoặc nhờ mua đất” với ông T tại Q nhưng ông T nhận tiền rồi không thực hiện nên đòi lại. Ông T không chấp nhận yêu cầu của ông D và trình bày: Ông T nhận của ông D số tiền 150.000 USD không phải với tư cách cá nhân mà là với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty E, ông D góp vốn vào Công ty để đầu tư, xây dựng khu resort N (của chủ đầu tư là Công ty A); dự án thua lỗ thì cùng gánh chịu.

Xét ý kiến của hai bên đương sự và chứng cứ do hai bên cung cấp, thấy rằng: Các phiếu thu tiền do ông T ký nhận ngày 20/9/2007, 01/10/2007 và ngày 20/12/2007 (tổng số tiền 150.000 USD) đều thể hiện nội dung: *Đơn vị phát hành*

phiếu E, mẫu số 12-CT/HCSN.....thu tiền để chạy dự án Q, thu tiền đợt 2 cho dự án Q và thu tiền đợt 3 cho dự án Q....Ngoài ra, tại biên bản thỏa thuận ngày 16/10/2007 (bút lục số 33), giữa ông Nguyễn Đạt D1 (chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty A) và ông Nguyễn Thanh T1 (cổ đông), ông Võ Tấn T (cổ đông) có nội dung: Ông D1, ông T góp vốn để đầu tư dự án khu resort N (Q), diện tích tương đương 10ha; mỗi người 3,5 tỷ = 35%/ người; ông Tùng góp 3 tỷ = 30%....

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D thừa nhận đưa tiền cho ông T để “nhờ mua đất ở Q”; như vậy, có chứng cứ rõ ràng về việc ông D góp 150.000 USD cho ông T để cùng “hùn hoặc nhờ mua đất ở Q” hoặc cùng đầu tư dự án resort N, Q. Giao dịch giữa ông D và ông T là một loại của hợp đồng dân sự. Nếu thuộc trường hợp “nhờ mua đất” thì thuộc loại “hợp đồng dịch vụ” quy định tại Điều 518 của Bộ luật Dân sự năm 2005, nếu là “hùn mua đất” thì thuộc loại “hợp đồng hợp tác” quy định tại Điều 504 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “kiện đòi tài sản” là chưa đúng, dẫn đến việc điều tra, thu thập chứng cứ chưa đúng nên chưa đủ căn cứ để giải quyết vụ án. Mặt khác, hợp đồng giữa ông D và ông T có liên quan đến bất động sản, ký và thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh và tại huyện Q, tỉnh Kiên Giang nên cần phải xem xét lại thẩm quyền giải quyết vụ án cho đúng quy định của pháp luật.

[2] Đối với tranh chấp số tiền gốc 1.027.800.000 đồng:

Ông D trình bày là cho ông T mượn theo nội dung “giấy cam kết” do ông T ký ngày 06/7/2013. Ông T trình bày ông D là cổ đông Công ty E, Công ty E là một trong những cổ đông sáng lập Nhà hàng B; 827.000.000 đồng là tiền ông T mượn ông D để nộp thuế cho nhà hàng, 200.000.000 đồng là tiền lời từ Nhà hàng B, ông T lấy để “mua đất” kinh doanh xây nhà ở cho công nhân viên trong Công ty V; ông D là cổ đông Công ty E nên khi Công ty E hợp tác đầu tư mở Công ty V thì ông D cũng là thành viên góp vốn vào Công ty V; ông T không nhận tiền với tư cách cá nhân. Xét “giấy cam kết” do ông T ký ngày 06/7/2013 ghi rõ nội dung: Ông T có nhận tiền thuế và tiền hùn mua đất của ông D (không phải tiền vay mượn) và sẽ “trả đủ số tiền 1.027.800.000 đồng cho ông D sau khi Vita thanh toán lại vào cuối năm 2013”; Tòa án cấp sơ thẩm chưa đi sâu phân tích kỹ nội dung giấy cam kết của ông T?. Điều kiện ông T trả tiền cuối năm 2013 hay sau khi Công ty V thanh toán tiền cho ông T vào cuối năm 2013 thì ông T trả tiền cho ông D?. Công ty V đã thanh toán tiền cho ông T vào cuối năm 2013 chưa?. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “hợp đồng vay tài sản” và thời điểm thanh toán cuối năm 2013 nhưng ông T chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ và buộc ông T trả lãi do vi phạm nghĩa vụ là chưa có cơ sở vững chắc.

[3] Xét Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật không đúng, dẫn đến việc xác minh thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nên chưa đủ căn cứ để giải quyết vụ án. Để đảm bảo việc xác minh, thu thập chứng cứ và xét xử ở hai cấp

Tòa án như quy định tại Điều 17 Bộ luật Tố tụng dân sự thì cần phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại vụ án cho đúng pháp luật. Khi giải quyết lại đối với việc “tranh chấp 150.000 USD”, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải xem xét lại về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[4] Với những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Tấn T là có cơ sở chấp nhận.

[5] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là chưa phù hợp. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc hủy bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Võ Tấn T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Tấn T.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Dương trả lại cho bị đơn ông Võ Tấn T 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0027480 ngày 18/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã B;
- TAND thị xã B;
- Các đương sự (để thi hành);
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đào Minh Đa

